

Bản án số: **1164/2023/HC-ST**

Ngày: 12 - 7 - 2023

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực xử lý vi
phạm hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thụy Xuân Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hồng Hương

2. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chê Hua – Thư ký Tòa án nhân dân Thành
phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Bà Thân Trọng Minh Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5, 13 tháng 6 và ngày 12 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý
số 148/2021/TLST-HC ngày 28 tháng 5 năm 2021, về việc “Khiếu kiện quyết
định hành chính trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính” theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số 1466/2023/QĐXXST-HC ngày 04 tháng 4 năm 2022, Quyết
định hoãn phiên tòa hành chính sơ thẩm số 5221/2023/QĐST-HC ngày 21 tháng
4 năm 2023, Quyết định tạm dừng phiên tòa số 6712/2023/QĐST-HC ngày 15
tháng 5 năm 2023 và Quyết định tạm dừng phiên tòa số 7774/2023/QĐST-HC
ngày 13 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Minh T

Địa chỉ: 704 K, khu phố I, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lê Kiên L (có mặt)

Địa chỉ: 329/35/6 T, phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần
Cao Đại Kỳ Q – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Một thành viên T (có mặt)

Địa chỉ: C35, Khu phố I, phường B, thành phố H, tỉnh Đ.

2. Người bị kiện:

2.1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B

Địa chỉ: 521 K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Minh N – Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lại Phú C – Trưởng Phòng Tài Nguyên Môi trường quận B (có mặt).

2.2 Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A

Địa chỉ: 64 Đường số 02C, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Minh M – Phó Chủ tịch (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà Nguyễn Thị Ngọc B – sinh năm: 1980 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 704 K, khu phố I, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

3.2 Bà Trương Thị Ngọc A, sinh năm 1959 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 704 K, khu phố I, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản đối thoại, ông Lê Kiên L đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện Ông Nguyễn Minh T trình bày:

Ngày 24/04/1961, ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Q (Là cha mẹ của Ông Nguyễn Minh T) đã nhận sang nhượng của bà Đặng Thị Đ phần diện tích đất nêu trên bằng Chứng thư đoạn mại thuộc loại ruộng lúa, với giá tiền 60.000 đồng/29.090m² số Bằng khoán điền thổ số 28 được cơ quan có thẩm quyền của nước Việt Nam Cộng Hòa xác nhận và chứng thực.

Ngày 22/09/1961, ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Q đã xây dựng Cơ sở nước mắm Thái Nguyên trên phần diện tích đất nêu trên và được cấp giấy phép cất nhà số 240/HC.I do tỉnh Gia Định (là một tỉnh cũ nay thuộc địa phận hành chính của Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Tây Ninh).

Sau khi ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Q chết, anh em trong gia đình Ông Nguyễn Minh T chia thừa kế đối với phần diện tích đất trên.

Trong đó, phần của Ông Nguyễn Minh T được hưởng bao gồm phần diện tích đất 968,6m² thuộc một phần thửa đất số 09, tờ bản đồ số 74 (TL 2005), khu phố I, phường A, quận B.

Năm 1995, Ông Nguyễn Minh T được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 222/QSDĐ ngày 08/4/1995 đối với 02 thửa đất 162 (DT: 8157m²) và thửa 163 (DT: 2837m²) cùng số tờ bản đồ 05. Sơ đồ vị trí thửa đất 162 có thể hiện diện tích đất 968,6m² thuộc “Sông vàm nước lên”. Tuy nhiên, liền sau đó, ngày 03/02/1996 Ủy ban nhân dân huyện C đã ban

hành Quyết định số 81/QĐ-UB thu hồi Giấy chứng nhận QSDĐ nêu trên vì lý do cấp sai thẩm quyền. Điều đó có nghĩa là diện tích 968,6m² đất thuộc thửa 162 tờ bản đồ 05 không còn bị “án định” là diện tích đất thuộc “Sông vàm nước lên” nữa.

Theo tài liệu năm 2005 thì diện tích đất 968,6m² nêu trên thuộc thửa đất số 9, tờ bản đồ số 74, Ông Nguyễn Minh T đã đăng ký sử dụng mục đích đất thổ vườn. Năm 2000, Ông Nguyễn Minh T đã xây dựng nhà xưởng kết cấu khung sắt, mái tôn, vách tôn với diện tích 428m².

Ngày 12/3/2019, Ủy ban nhân dân phường A, quận B lập biên bản vi phạm hành chính với Ông Nguyễn Minh T về hành vi “lấn chiếm diện tích đất 968,6m²” vì Ủy ban nhân dân phường A cho rằng đây là diện tích đất thuộc “Sông vàm nước lên”, là đất phi nông nghiệp.

Ngày 15/3/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A ban hành Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc Ông Nguyễn Minh T trả lại đất đã lấn, chiếm là 968,6m².

Ngày 05/4/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A ban hành Quyết định số 92/QĐ-CCXP về Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, gồm: Buộc Ông Nguyễn Minh T khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm. Buộc Ông Nguyễn Minh T trả lại đất đã lấn, chiếm.

Ngày 07/5/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A ban hành Quyết định số 2082/QĐ-XPVPHC về giải quyết khiếu nại của Ông Nguyễn Minh T: Giữ nguyên Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 23/9/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 4667/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của Ông Nguyễn Minh T: Không công nhận nội dung khiếu nại của Ông Nguyễn Minh T “Khiếu nại Quyết định số 2082/QĐ-XPVPHC ngày 07/5/2019 của Ủy ban nhân dân phường A về việc giải quyết khiếu nại của Ông Nguyễn Minh T

Ngày 19/3/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 1174/QĐ-UBND về điều chỉnh quyết định số 4667/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

Ngày 10/5/2020, Ông Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 4667/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B phải giải quyết khiếu nại lại theo quy định.

Ngày 14/4/2022, ông Lê Kiên L (đại diện Ông Nguyễn Minh T) có đơn xin rút yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B phải giải quyết khiếu nại lại theo quy định.

Ngày 10/10/2022, Ông Nguyễn Minh T khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy: Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC ngày 15/3/2019, Quyết định số 92/QĐ-CCXP ngày 05/4/2019; Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A; Quyết định số 4667/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 và

Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B. Với lý do:

Về đất: Phần đất của Ông Nguyễn Minh T được hưởng (bao gồm phần diện tích đất 968,6m² thuộc một phần thửa đất số 09, tờ bản đồ số 74, tài liệu năm 2005, khu phố I, phường A, quận B) từ cha mẹ chết để lại đến nay. Do vậy, không có cơ sở để cho rằng đất lấn, chiếm.

Về Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC ngày 15/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A: Thẩm quyền ban hành quyết định buộc trả lại đất lấn, chiếm không phải của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường. Như vậy, Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC được ban hành không đúng quy định pháp luật.

Về Quyết định số 92/QĐ-CCXP ngày 05/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A: Để đảm bảo thi hành Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC ngày 15/3/2019. Tuy nhiên, Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC không buộc Ông Nguyễn Minh T khôi phục lại tình trạng ban đầu. Nhưng quyết định này lại cưỡng chế buộc thêm vấn đề này là trái quy định pháp luật.

Về các quyết định giải quyết khiếu nại: giải quyết chưa thỏa đáng, ảnh hưởng quyền lợi của Ông Nguyễn Minh T.

Tại Văn bản số 4143/UBND ngày 07/10/2022 người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B có ý kiến như sau:

Phần đất có diện tích 968,6m²/29.090m² thuộc một phần bằng khoán điền thổ số 27 do bà Đặng Thị Đ đứng bộ năm 1938. Đến năm 1961 ông Nguyễn Văn T và vợ là bà Lê Thị Q mua lại bằng chứng thư đoạn mãi thuộc loại đất ruộng lúa. Ông Nguyễn Văn T sử dụng một phần đất để xây dựng cơ sở nước nắm Thái Nguyên theo Giấy phép số 240/HC.1 do Tỉnh Gia Định cấp ngày 22/9/1961. Sau giải phóng, ông Nguyễn Văn T để lại cho con ruột là Ông Nguyễn Minh T sử dụng cho đến nay (theo Báo cáo Thuyết minh của Phòng nông nghiệp thủy lợi, tổ quản lý ruộng đất ngày 27/7/1991).

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 222 QSDĐ/TT An Lạc được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 8/4/1995 cho Ông Nguyễn Minh T, thể hiện phần đất có diện tích 968,6 m² thuộc một phần “sông Vàm Nước Lên” đã thu hồi giấy chứng nhận theo Quyết định 81/QĐ-UB ngày 03/02/1996 của Ủy ban nhân dân huyện C.

Theo Tài liệu 299/TTg, vị trí khu đất nêu trên có một phần thuộc đất rạch.

Theo Tài liệu 02/CT-UB, vị trí khu đất nêu trên có một phần thuộc đất Rạch Nước Lên.

Theo Bản đồ địa chính năm 2005, phần đất diện tích 968,6m² do Ông Nguyễn Minh T sử dụng mục đích đất thổ vườn thuộc một phần thửa đất số 09, tờ bản đồ số 74 (TL2005).

Nguồn gốc và quá trình sử dụng 02 căn nhà:

Theo bản vẽ hiện trạng vị trí số 8066/ĐĐBĐ-VPTP do Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 02/12/2010 thì trên phần đất diện tích 968,6m² có 02 căn nhà hiện hữu, được cấp số nhà 702 và 702A đường K, khu phố I, phường A, quận B.

Căn nhà số 702 đường K, khu phố I, phường A, quận B do Ủy ban nhân dân quận B cấp theo Thông báo cấp số nhà số 1104/TB-UBND-QLĐT ngày 20/6/2008, thời điểm xây dựng trước 01/7/2004 cấp cho bà Nguyễn Thị Bích N (con Ông Nguyễn Minh T).

Căn nhà số 702A đường K, khu phố I, phường A, quận B do Ủy ban nhân dân quận B cấp số nhà theo Thông báo số 1139/TB-UBND-QLĐT ngày 26/6/2008, thời điểm xây dựng trước 01/7/2004 cho bà Trương Thị Ngọc A (vợ Ông Nguyễn Minh T).

Hiện nay 02 căn nhà trên sử dụng vào mục đích chứa máy nông ngư cơ.

Quá trình xử lý:

Ngày 12/3/2019, Ủy ban nhân dân phường đã lập biên bản vi phạm hành chính số 22/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai đối với Ông Nguyễn Minh T.

Ngày 15/3/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A ban hành Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 07/5/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A ban hành Quyết định số 2082/QĐ-XPVPHC về giải quyết khiếu nại của Ông Nguyễn Minh T (lần đầu).

Ngày 23/9/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 4667/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của Ông Nguyễn Minh T (lần đầu).

Ngày 19/3/2020, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 1174/QĐ-UBND về điều chỉnh quyết định số 4667/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

Ý kiến:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A ban hành Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC ngày 15/3/2019 trong đó có nội dung:

“2. Phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2013/NĐ-CP ngày 10/11/2014 quy phạm xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện gồm: Buộc trả lại đất đã lấn, chiếm là 968,6 m². Thời gian thi hành quyết định là 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả”.

Theo bản đồ hiện trạng vị trí số 8066/ĐĐBĐ –VPTP do Trung Tâm Đo đạc bản đồ lập ngày 02/12/2010 thể hiện tài liệu 02/CT-UB và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 222 QSDĐ/TT An Lạc do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 08/04/1995, phần diện tích 968,6m² thể hiện “Rạch”

Căn cứ Tài liệu địa chính phường A năm 2005 tờ bản đồ số 74 phần đất diện tích 968,6m² do Ông Nguyễn Minh T sử dụng mục đích đất thổ vườn.

Căn cứ Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2013/NĐ-CP ngày 10/11/2014 quy phạm xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định: “phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi lấn, chiếm đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất, đất phi nông nghiệp, không phải là đất ở, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này”; biện pháp khắc phục hậu quả là “*Buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm; Buộc trả lại đất đã lấn, chiếm*”.

Xét thấy việc Ông Nguyễn Minh T có hành vi lấn chiếm san lấp và xây dựng vật kiến trúc trên phần đất diện tích 968,6m² là đất Rạch Nước Lên do Ủy ban nhân dân phường A quản lý theo Điều 8, Luật Đất đai năm 2013 là vi phạm theo Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2013/NĐ-CP ngày 10/11/2014.

Do đó, Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC ngày 15/3/2019; Quyết định số 2082/QĐ-XPVPHC ngày 07/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A; Quyết định số 4667/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về giải quyết khiếu nại của Ông Nguyễn Minh T (lần đầu); Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về điều chỉnh quyết định số 4667/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B là phù hợp quy định.

Tại Văn bản số 4476/UBND ngày 03/10/2022 người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường A, quận B có ý kiến như sau:

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng và quá trình xử lý phần đất có diện tích 968,6m² tại một phần thửa số 9, tờ bản đồ số 74 (TL2005) phường A, quận B. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A thống nhất ý kiến Văn bản số 4143/UBND ngày 07/10/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A nhận thấy việc ban hành Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC ngày 15/3/2019 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của Ủy ban nhân dân phường với nội dung: “Biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện gồm: buộc trả lại đất lấn, chiếm là 968,6m² thuộc đất rạch”, quy định do đây là đất rạch buộc phải trả lại rạch theo hiện trạng ban đầu và việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ban hành Quyết định số 92/QĐ-CCXP ngày 05/4/2019 về Cường chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2082/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 là đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Ngọc B, bà Trương Thị Ngọc A trình bày: Phần diện tích đất 968,6m² tại thuộc một phần thửa đất số 09, tờ bản đồ số 74 (TL 2005), khu phố I, phường A, quận B do Ông Nguyễn Minh T sở hữu và sử dụng từ trước năm 1975.

Năm 1999, Ông Nguyễn Minh T cho đổ đất cao lên lại toàn bộ diện tích 2.323,4m². Năm 2000, trên phần diện tích đất 968,6m² mới san lấp, gia đình bà

đã xây dựng hai căn nhà tổng diện tích 577,3m², kết cấu: cột sắt, khung sắt, vách tôn, mái tôn.

Ngày 20/6/2008, Ủy ban nhân dân quận B cấp Thông báo cấp số nhà số 1104/TB-UBND-QLĐT cho bà Nguyễn Thị Ngọc B số nhà: Căn nhà số 702 đường K, khu phố I, phường A, quận B. Thời điểm xây dựng trước 01/7/2004

Ngày 26/6/2008, Ủy ban nhân dân quận B cấp Thông báo cấp số nhà số 1139/TB-UBND-QLĐT cho bà Trương Thị Ngọc A số nhà: Căn nhà số 702A đường K, khu phố I, phường A, quận B. Thông báo số thời điểm xây dựng trước 01/7/2004.

Do vậy thống nhất ý kiến Ông Nguyễn Minh T. Đề nghị Ủy ban nhân dân phường và Quận giải quyết thỏa đáng quyền lợi của người dân.

Tại phiên tòa:

- Ông Lê Kiên L đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện Ông Nguyễn Minh T xác định: Xin rút yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B phải giải quyết khiếu nại lại theo quy định.

Ông Nguyễn Minh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy: Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC ngày 15/3/2019, Quyết định số 92/QĐ-CCXP ngày 05/4/2019; Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A; Quyết định số 4667/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 và Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Ông Trần Cao Đại Kỳ Q có bài phát biểu trình bày: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A ban hành Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC ngày 15/3/2019, Quyết định số 92/QĐ-CCXP ngày 05/4/2019; Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 4667/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 và Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 19/3/2020: Không đúng quy định pháp luật; ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của Ông Nguyễn Minh T. Do vậy, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Minh T.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B có ý kiến: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 4667/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 và Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị bác yêu cầu người khởi kiện Ông Nguyễn Minh T.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A (ông Nguyễn Minh M) trình bày: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A ban hành Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC ngày 15/3/2019, Quyết định số 92/QĐ-CCXP ngày 05/4/2019; Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị bác yêu cầu người khởi kiện Ông Nguyễn Minh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tổ tụng hành chính từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Về nội dung: Căn cứ Điều 31 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong việc xử phạt vi phạm hành chính thì: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã không có thẩm quyền buộc trả lại đất đã lấn chiếm. Đây là thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. Do vậy, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[1.1] Về thẩm quyền:

Người khởi kiện Ông Nguyễn Minh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC ngày 15/3/2019, Quyết định số 92/QĐ-CCXP ngày 05/4/2019, Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A; Quyết định số 4667/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 và Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B: Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 30 và Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

Ông Nguyễn Minh T xin rút yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B phải giải quyết khiếu nại lại theo quy định. Căn cứ Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính 2015; Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của người khởi kiện.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 08/7/2022, Ủy ban nhân dân quận B mới giao cho Ông Nguyễn Minh T: Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B điều chỉnh nội dung Quyết định số 4667/QĐ-UBND ngày 23/9/2019.

Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC ngày 15/3/2019; Quyết định số 92/QĐ-CCXP ngày 05/4/2019; Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A và Quyết định số 4667/QĐ-UBND ngày 23/9/2019: Đề nhằm giải quyết về hành vi vi phạm hành chính của Ông Nguyễn Minh T tại diện tích đất 968,6m² tại thuộc một phần thửa đất số 09, tờ bản đồ số 74 (TL 2005), khu phố I, phường A, quận B. Do vậy, căn cứ Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính yêu cầu của người khởi kiện còn trong thời hiệu theo đúng quy định pháp luật.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 157 và Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính 2015.

[2] Xét quyết định số 70/QĐ-XPVPHC ngày 15/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A.

Căn cứ Điều 57, Điều 58, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, quận B thực hiện trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đúng quy định.

Căn cứ Điều 6, Điều 65, Điều 74 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, quận B không ban hành quyết định xử phạt do quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính; Thời điểm vi phạm năm 2000: Là đúng quy định pháp luật.

Theo Tài liệu 299/TTg, vị trí khu đất có một phần thuộc đất rạch và Tài liệu 02/CT-UB, vị trí khu đất có một phần thuộc đất Rạch Nước Lên.

Theo Biên bản vi phạm hành chính số 22/BB-VPHC ngày 12/3/2019 của Ủy ban nhân dân Phường A ghi nhận Ông Nguyễn Minh T đã có hành vi vi phạm hành chính: *Lấn chiếm đất. Diện tích 968,6m². Thời điểm vi phạm năm 2000.*

Ông Nguyễn Minh T có hành vi san lấp và xây dựng vật kiến trúc trên phần đất diện tích 968,6m² là vi phạm theo Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2013/NĐ-CP ngày 10/11/2014.

Căn cứ Điều 31 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong việc xử phạt vi phạm hành chính.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, quận B quyết định biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện buộc trả lại đất đã lấn chiếm: Là chưa đúng quy định pháp luật.

[3] Xét Quyết định số 92/QĐ-CCXP ngày 05/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A.

Để đảm bảo thi hành Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC ngày 15/3/2019. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, quận B quyết định: *“Biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện, gồm: Buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm. Buộc trả lại đất đã lấn, chiếm.”*

Căn cứ Khoản 1 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định: *“Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt được áp dụng trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt theo quy định tại Điều 73 của Luật này.”*

Xét Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC ngày 15/3/2019; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A không có thẩm quyền ban hành áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc trả lại đất đã lấn chiếm. Đồng thời, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A không có quyết định biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện: *Buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm.*

Như vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, quận B ban hành Quyết định số 92/QĐ-CCXP ngày 05/4/2019 cưỡng chế để đảm bảo thi hành Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC ngày 15/3/2019: Là chưa đúng quy định pháp luật.

[4] Xét quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A và Quyết định số 4667/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

Từ những phân tích về Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC ngày 15/3/2019 và Quyết định số 92/QĐ-CCXP ngày 05/4/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A.

Căn cứ Điều 17 Luật Khiếu nại năm 2011; Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A: Giữ nguyên Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC ngày 15/3/2019. Không công nhận nội dung khiếu nại của Ông Nguyễn Minh T: Là chưa đúng quy định pháp luật.

Căn cứ Khoản 2 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011; Quyết định số 4667/QĐ-UBND ngày 23/9/2019: Không công nhận nội dung khiếu nại của Ông Nguyễn Minh T khiếu nại Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A: Là chưa đúng quy định pháp luật.

[5] Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B

Xét thấy sai sót trong quá trình rà soát thứ tự ban hành quyết định giải quyết khiếu nại nên Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 điều chỉnh nội dung tại tiêu đề và tại Điều 2 của Quyết định số 4667/QĐ-UBND ngày 23/9/2019. Căn cứ Khoản 2 Điều 18 Luật giải quyết khiếu nại năm 2011, Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 19/3/2020: Là đúng quy định pháp luật.

[7] Xét ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị chấp nhận yêu cầu Ông Nguyễn Minh T. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của người khởi kiện.

[8] Xét ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của người khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[9] Về án phí: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A phải chịu án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả lại cho Ông Nguyễn Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0094224 ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 3, Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 143, Khoản 1 Điều 157, Khoản 1 Điều 158, Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ Điều 6, Khoản 1 Điều 28, Điều 38, Điều 65, Điều 74, Điều 86, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

- Căn cứ Điều 17, Khoản 2 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 10, Điều 31 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Minh T.

1. Hủy một phần Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 70/QĐ-XPVPHC ngày 15/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, quận B, về việc quyết định biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện: Buộc trả lại đất đã lấn chiếm.

2. Hủy quyết định số 92/QĐ-CCXP ngày 05/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, quận B, về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

3. Hủy một phần Điều 1 của Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, quận B, đối với nội dung: “Giữ nguyên Quyết định số 70/QĐ-XPVPHC ngày 15/3/2019 của Phó chủ tịch phường A về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.”.

4. Hủy một phần Điều 1 Quyết định số 4667/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, đối với nội dung: Không công nhận nội dung khiếu nại của Ông Nguyễn Minh T khiếu nại Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của Ủy ban nhân dân phường A về việc giải quyết khiếu nại của Ông Nguyễn Minh T (lần đầu).

5. Bác yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Minh T về việc hủy Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B.

6. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Minh T: Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B phải giải quyết khiếu nại lại theo quy định.

7. Về án phí:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A, quận B phải chịu án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả lại cho Ông Nguyễn Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0094224 ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thụy Xuân Vinh